

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/HS- ST
Ngày: 21- 11- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Bình.

2/ Bà Huỳnh Thị Thúy Nga;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khắc Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2023, tại phòng xử án- Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2023/TLST-HS, ngày 13/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HS ngày 6/11/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng D, sinh năm 2001, tại: Bình Thuận

Nơi cư trú: Thôn 2, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị Bích Tr; chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/12/2018 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 17/5/2020 bị truy tố về tội cố ý gây thương tích, nhưng do bị hại rút yêu cầu khởi tố; bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 29/8/2023, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Linh . Có mặt.

Bị hại: Bà Lê Thụy Hải N, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Ấp 9/4 xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Hiện ở tại: Số 311 NTD, khu phố 1, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Lộc Th, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Số 40 HTLO, KPX, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau, nên Lê Thụy Hải N, sinh năm 1999, tạm trú tại khu phố 1, thị trấn Võ Xu, huyện Đ có nhờ Nguyễn Trọng D, sinh năm 2001 đem xe mô tô hiệu Honda SH i150, màu đen, biển số 60B7- 638.11 của N đi sơn lại. Ngày 21/01/2022 D đến phòng trọ của N, tại đây N đưa xe SH, biển số 60B7- 638.11 và chìa khóa cho D đem xe đi sơn. D điều khiển xe 60B7- 638.11 đến tiệm sửa xe của Thạch mở bung để đem xe đi sơn. Sau khi sơn xe xong, D không đem trả lại cho N, mà đưa xe đến nhà Nguyễn Lộc T1, ở khu phố 7, thị trấn Võ Xu và cầm cố cho T1, để lấy xe mô tô Honda Vario, biển số 86B8- 598.37 về lại trả cho Nguyễn Trọng Hiếu, xe trước đây D mượn của Hiếu rồi đem cầm cố cho T1 để vay tiền. Sau đó D bỏ đi khỏi địa phương, N gọi điện yêu cầu D đem trả xe, nhưng D không thực hiện. Ngày 13/02/2022 bà N làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của D đến cơ quan Công an. Ngày 02/3/2022 Công an thị trấn Võ Xu phát hiện xe 60B7- 638.11 của N ở nhà T1. Qua làm việc T1 giao xe 60B7- 638.11 cho cơ quan Công an. Ngày 24/8/2023 Cơ quan Điều tra Công an huyện Đức Linh ra lệnh truy nã Nguyễn Trọng D, về hành vi: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 29/8/2023 Nguyễn Trọng D đến Công an xã Mê Pu, huyện Đức Linh đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 23/KL-HĐĐG ngày 19/5/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Linh kết luận: Giá trị xe mô tô hiệu Honda SH i150, biển số 60B7-638.11, đăng ký lần đầu ngày 23/7/2019 là 50.000.000 đồng. Sau khi định giá Cơ quan Điều tra đã trả cho bà N.

Theo Cáo trạng số 72/CT-VKSĐL-HS ngày 11/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố Nguyễn Trọng D ra trước Tòa án nhân dân huyện Đức Linh để xét xử về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, giữ nguyên Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo;

-Phạt bị cáo Nguyễn Trọng D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Bị cáo D: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và người làm chứng. Tuy nhiên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện của vụ án, nên xét xử vắng mặt họ, theo Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ được thu thập trong hồ sơ và phù hợp với vật chứng thu giữ. Có đủ căn cứ kết luận: Do quen biết nhau, nên bà Lê Thụy Hải N nhờ bị cáo Nguyễn Trọng D đem xe mô tô hiệu Honda SH i150, biển số 60B7- 638.11, màu đen đi sơn lại. Ngày 21/01/2022 D đến nhận xe và chìa khóa từ bà N để đem xe đi sơn. Sau khi sơn xong, D không đem xe trả lại cho bà N mà đưa đến cầm cố cho ông Nguyễn Lộc T1, để lấy lại xe mô tô Honda Vario do D mượn của Nguyễn Trung Hiếu cầm cho ông T1 vay 10.000.000 đồng trước đó. Sau đó bỏ đi khỏi địa phương. Qua tố cáo của bà N, Công an điều tra, xác định tài sản xe mô tô Honda SH i150, biển số 60B7- 638.11 có giá trị 50.000.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của nạn nhân để nhận tài sản đem sơn, rồi chiếm đoạt. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự

năm 2015; với tình tiết định khung hình phạt: Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo thực hiện: Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu về tài sản, ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng vẫn không chịu rút kinh nghiệm, để sống tốt hơn trong xã hội, mà lại phạm tội. Do đó cần thiết phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo cải tạo thành công dân lương thiện.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo khai báo thành khẩn, tác động gia đình bồi thiết khắc phục thiệt hại tài sản do bị cáo gây ra, ra đầu thú, nên áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, phạt bị cáo mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Vật chứng trong vụ án: Chiếc xe bị cáo chiếm đoạt đem cầm cố cho ông T1 đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu. Ông T1 đã được gia đình bị cáo hoàn lại số tiền 10.000.000 đồng, ông T1 không yêu gì.

[6] Bị hại bà N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng về chí bỏ ra để đi tìm xe. Tuy nhiên bà N không cung cấp được chứng từ để chứng minh, tại phiên tòa vắng mặt bà N, đồng thời phần yêu cầu này của bà N không ảnh hưởng việc giải quyết vụ án. Do đó tách phần dân sự trong vụ án, để đương sự khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về giải quyết vụ án là phù hợp và có căn cứ.

[8] Về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Kể từ khi tiếp nhận tin báo về tội phạm cho đến khi ban hành kết luận điều tra, Điều tra viên thực hiện hành vi tố tụng, ban hành các văn bản tố tụng đúng thẩm quyền, đúng thời hạn và đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng hình sự; thực hiện các hoạt động điều tra đúng luật định. Đối với Kiểm sát viên trong quá trình giám sát các hoạt động ở giai đoạn điều tra thực hiện đúng thẩm quyền. Trong giai đoạn truy tố Kiểm sát viên tiến hành hoạt động tố tụng

đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng. Trong giai đoạn điều tra, truy tố không có sự khiếu nại gì.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, 293, Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Tuyên bố: Nguyễn Trọng D phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ: ngày 29/8/2023.

2. Về án phí: Nguyễn Trọng D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/11/2023), bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- VKSND huyện Đức Linh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

- CQTHAHS, Bộ phận Hồ sơ – Công an huyện
- TTLTP-QG, Sở Tư pháp Bình Thuận
- Chi cục THADS huyện Đức Linh
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa (nếu có)
- Lưu hồ sơ vụ án + Văn Phòng

Nguyễn Văn Thái